TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 16-9- 2024
"V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn M

2. Ông Nguyễn Hữu T

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Th V – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long – Xin vắng mặt.

2. **Bị đơn**: Anh Võ Văn T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2024, chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: Chị D và anh T quen biết, cả hai có tìm hiểu nhau sau đó được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND

phường X, quận N, thành phố Cần Thơ số 189 ngày 23/9/2003. Quá trình chung sống chị D và anh T có 03 con chung là Võ Dung N, sinh ngày 19/02/2004; Võ Anh N1, sinh ngày 05/10/2012 và Võ Quỳnh Kim N2, sinh ngày 09/10/2023, không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu chung sống chúng tôi rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây do khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày và dù đã cố gắng nhưng chúng tôi không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hiện chúng tôi đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Có 03 con chung là Võ Dung N, sinh ngày 19/02/2004; Võ Anh N1, sinh ngày 05/10/2012 và Võ Quỳnh Kim N2, sinh ngày 09/10/2023. Chị D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Võ Anh N1 và Võ Quỳnh Kim N2, không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con. Đối với Võ Dung N đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, chị Nguyễn Thị Kim D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Võ Văn T được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng; Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Võ Văn T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị D và anh T có nhiều mâu thuẫn như: Do khó khăn về kinh tế, quan điểm ngày càng khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã, không thể hiểu cho nhau. Chị D và anh T đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Võ Văn T.

[4] Về con chung: Có 03 con chung là Võ Dung N, sinh ngày 19/02/2004; Võ Anh N1, sinh ngày 05/10/2012 và Võ Quỳnh Kim N2, sinh ngày 09/10/2023, hiện tại 03 con chung đều sống cùng chị D. Chị D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Võ Anh N1 và Võ Quỳnh Kim N2, không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con. Đối với Võ Dung N đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy, chị D và anh T ly thân từ năm 2023 cho đến nay các con chung đều sống chung với chị D nên việc giao Võ Anh N1 và Võ Quỳnh Kim N2 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện phát triển thể chất và học tập của 02 cháu. Yêu cầu trên phù hợp với nguyện vọng của Võ Anh N1 được nêu trong bản tự khai. Đối với Võ Quỳnh Kim N2, sinh ngày 09/10/2023 dưới 36 tháng tuổi giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Anh Võ Văn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012459, ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị D đã nộp đủ.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung: Võ Anh N1, sinh ngày 05/10/2012 và Võ Quỳnh Kim N2, sinh ngày 09/10/2023. Đối với Võ Dung N, sinh ngày 19/02/2004 đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012459, ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh T